TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – H phúc**

Bản án số: 41/2019/DS-ST
Ngày: 16 – 7 - 2019.
V/v tranh chấp: "Hợp đồng tín dụng".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lựu.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Lợi.

Ông Nguyễn Ngọc S.

- *Thư ký phiên Tòa:* Ông Phạm Quốc Duy – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:* Bà Phạm Thị Cẩm Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 66/2019/TLST – DS ngày 13 tháng 3 năm 2019 về tranh chấp "Hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 96/2019/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 5 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên Tòa số 65/2019/QĐST-DS ngày 17 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Ngân hàng Thương mại cổ phần K**.

Trụ sở chính: 40-42-44 đường Phạm Hồng Thái, Phường V T V, Thành phố T, tỉnh K.

Người đại diện cho Ngân hàng Thương mại cổ phần K: **Chị Phạm Thị H** – Chức vụ: Phó Giám đốc Phòng giao dịch B Đ- Chi nhánh B T(Văn bản ủy quyền số 2872/QĐ-NHKL ngày 08/8/2018 của Tổng giám đốc Ngân hàng Thương mại cổ phần K). **(chị H có mặt)**

Địa chỉ: Số 60 đường 30/4 Khu phố 1, Thị trấn B Đ, huyện B Đ, tỉnh T

- *Bị đơn:*

1. **Trần Thị Cẩm L**, sinh năm 1966 (Vắng mặt).

2. Nguyễn Hồng S, sinh năm 1963 (Vắng mặt).

Địa chỉ: ấp G B, xã T L, huyện B Đ, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 08/01/2019, bản tự khai ngày 23/4/2019 của Ngân hàng và quá trình giải quyết vụ án, chị Phạm Thị H là người đại diện của Ngân hàng trình bày:*

Bà Trần Thị Cẩm L và ông Nguyễn Hồng S có vay của Ngân hàng Thương mại cổ phần K (viết tắt TMCP K) – Phòng Giao dịch Bình Đại theo hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số A463927, A463929/HĐTD-CC ngày 21/3/2018, cụ thể:

+ Số tiền vay: 30.000.000 đồng.

+ Mục đích vay: Kinh doanh mua bán nhỏ.

+ Thời hạn vay: 180 ngày.

+ Hình thức thanh toán: Trả góp vốn gốc và lãi hàng ngày, kể từ ngày: 22/3/2018 đến ngày 22/9/2018, nên sẽ trả 178.939 đồng/ngày, ngày cuối trả 180.139 đồng là hoàn tất số nợ 30.000.000 đồng.

+ Lãi suất trong hạn: 14, 94%/năm.

+ Lãi suất nợ quá hạn: Bằng 150% lãi suất vay tại thời điểm chuyển nợ quá hạn, tính trên dư nợ gốc quá hạn tương ứng với thời gian chậm trả.

Tài sản cầm cố là xe HONDA-AIRBLADE: 71C1-260.82, số khung: 630XFZ713946, số máy JF63E1713930, do bà Trần Thị Cẩm L đứng tên.

Theo thỏa thuận hình thức thanh toán là trả hàng ngày từ ngày 22/3/2018 đến ngày 22/9/2018 là hoàn tất số nợ 30.000.000 đồng gồm cả vốn lẫn lãi. Nhưng trong quá trình thực hiện bà L, ông S chỉ thanh toán được đến ngày 12/5/2018 với số tiền là 9.925.356 đồng, trong đó:

+ Vốn gốc: 8.333.333 đồng.

+ Tiền lãi: 613.973 đồng.

+ Phí bảo lãnh: 978.050 đồng.

Số nợ còn lại tính đến ngày trả nợ cuối cùng (ngày 22/9/2018) là 25.805.926 đồng, trong đó:

+ Vốn gốc: 21.666.667 đồng.

+ Tiền lãi: 1.596.329 đồng.

+ Phí bảo lãnh: 2.542.930 đồng.

Nay ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà L, ông S phải trả cho ngân hàng K số tiền còn nợ lại là 25.805.926 đồng như nêu trên. Nếu bà L, ông S không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì ngân hàng yêu cầu Tòa án xử lý tài sản bảo đảm theo Hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số A463927, A463929/HĐTD-CC ngày

21/3/2018 để ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên bán đấu giá tài sản cầm cố nhằm đảm bảo thanh toán nợ cho ngân hàng.

*** Tại phiên Tòa,** Ngân hàng xin rút lại 01 phần yêu cầu khởi kiện đối với phí bảo lãnh với số tiền là 2.542.930 đồng, mà chỉ yêu cầu bà L và ông S trả số tiền là 23.262.996 đồng, trong đó:

+ Vốn gốc: 21.666.667 đồng.

+ Tiền lãi: 1.596.329 đồng.

* Đối với bà Trần Thị Cẩm L, ông Nguyễn Hồng S là bị đơn, trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án, đã được Toà án triệu tập hợp L nhưng ông bà đều vắng mặt không lý do, nên không thu thập được lời khai của ông bà.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án.*

- Về *tuân theo pháp luật tố tụng :*

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng, và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ tuân theo đúng quy định của pháp luật. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên Tòa là không thực hiện theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về nội dung:*

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 91, 95 của Luật các tổ chức tín dụng.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng đối với bà L, ông S để buộc bà L, ông S có nghĩa vụ trả cho ngân hàng số tiền còn nợ là 23.262.996 đồng, trong đó: Vốn gốc: 21.666.667 đồng; Tiền lãi: 1.596.329 đồng.

Chấp nhận yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm theo Hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số A463927, A463929/HĐTD-CC ngày 21/3/2018 để ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền kê biên bán đấu giá tài sản cầm cố nhằm đảm bảo thanh toán nợ cho ngân hàng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

**** Về tố tụng:***

[1]. Bị đơn bà Trần Thị Cẩm L, ông Nguyễn Hồng S đã được Tòa án triệu tập hợp L lần thứ hai để xét xử, nhưng đều vắng mặt không có lý do.

Căn cứ theo biên bản xác minh tại chính quyền địa phương xác định bà L, ông S không có mặt tại địa phương, khi bỏ đi ông bà không có thông báo cho địa

phương nên không biết ông bà ở đâu. Mà theo địa chỉ của ông S, bà L được ghi trong giao dịch hợp đồng tín dụng với Ngân hàng là cư trú tại ấp Giồng Bông, xã Thới Lai, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre. Vì vậy, trong đơn khởi kiện ngân hàng đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của bà L, ông S, nay bà L, ông S thay đổi nơi cư trú mà không thông báo cho ngân hàng biết về nơi cư trú mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật dân sự năm 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ, nên Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án theo thủ tục chung là phù hợp với quy định tại điểm a khoản 2 Điều 6 của Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt bà L, ông S.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp:

Trong năm 2018 giữa Ngân hàng TMCP K và bà Trần Thị Cẩm L, ông Nguyễn Hồng S có xác lập giao dịch vay tiền theo Hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố với số tiền vay là 30.000.000 đồng cho đến nay còn nợ lại 23.262.996 đồng. Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà L, ông S có trách nhiệm trả số tiền 23.262.996 đồng. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này được xác định là *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Tại phiên tòa, Ngân hàng xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với phần phí bảo lãnh với số tiền 2.542.930 đồng. Xét thấy, việc rút yêu cầu này là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện của ngân hàng với bà L, ông S của số tiền phí bảo lãnh là 2.542.930 đồng, ngân hàng không phải chịu án phí đối với yêu cầu đã đình chỉ xét xử.

** Về nội dung:*

- Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng buộc bà Trần Thị Cẩm L, ông Nguyễn Văn S trả cho ngân hàng số tiền nợ còn lại 23.262.996 đồng.

[1]. Hội đồng xét xử xét thấy: Theo lời khai của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên Tòa và căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án xác định giữa Ngân hàng TMCP K với bà Trần Thị Cẩm L có xác lập giao dịch vay tiền, cụ thể là theo Hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số A463927, A463929/HĐTD-CC ngày 21/3/2018 thì vào năm 2018 bà L, ông S có vay của ngân hàng 30.000.000 đồng, vay theo hình thức trả góp vốn gốc và lãi hàng ngày, kể từ ngày: 22/3/2018 đến ngày 22/9/2018 (180 ngày), Lãi suất trong hạn: 14, 94%/năm. Lãi suất nợ quá hạn: Bằng 150% lãi suất vay tại thời điểm chuyển nợ quá hạn, tính trên dư nợ gốc quá hạn tương ứng với thời gian chậm trả, nên sẽ trả 178.939 đồng/ngày, ngày cuối trả 180.139 đồng là hoàn tất số nợ 30.000.000 đồng, bà L, ông S đã ký tên xác nhận nợ và đồng ý với các điều khoản trong hợp đồng,

ông bà đã nhận đầy đủ số tiền vốn vay 30.000.000 đồng theo phiếu chi đề ngày 22/3/2018 của ngân hàng.

Nhưng trong quá trình thực hiện bà L, ông S chỉ trả được cho Ngân hàng đến ngày 12/5/2018 với số tiền 9.925.356 đồng và còn nợ lại 23.262.996 đồng.

[2] Xét thấy, hợp đồng tín dụng được 02 bên thiết lập trên tinh thần tự nguyện, bà L, ông S đã sử dụng hết quyền nhận tài sản, nhưng không thanh toán đầy đủ tiền nợ vốn và lãi cho ngân hàng theo thỏa thuận trong hợp đồng mà 02 bên đã ký kết là vi phạm theo quy định tại Điều 2, Điều 4 của Hợp đồng tín dụng. Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà L, ông S trả 23.262.996 đồng trong đó: Vốn gốc: 21.666.667 đồng; Tiền lãi: 1.596.329 đồng. là có cơ sở và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. *Đối với nghĩa vụ chậm thi hành án:* Tại phiên Tòa, Ngân hàng yêu cầu tính lãi chậm thi hành án theo quy định của pháp luật chứ không theo thỏa thuận của 02 bên, nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Xét yêu cầu xử lý tài sản cầm cố là xe HONDA-AIRBLADE: 71C1-260.82, số khung: 630XFZ713946, số máy JF63E1713930, do bà Trần Thị Cẩm L đứng tên.

Qua xem xét, thì hợp đồng cầm cố tài sản số A463927, A463929/HĐTD-CC ngày 21/3/2018 được thực hiện đúng quy định. Do vậy, khi bà Trần Thị Cẩm L, ông Nguyễn Hồng S không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ đầy đủ cho Ngân hàng khi đến hạn là đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng tín dụng mà 02 bên đã ký kết. Vì vậy, Ngân hàng TMCP K (Phòng giao dịch Bình Đại) có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản cầm cố để bảo đảm thu hồi nợ cho ngân hàng là phù hợp với thỏa thuận trong hợp đồng tại Điều 3, Điều 4 của Hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố và cũng phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5]. Đối với lời trình bày của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại về quan điểm giải quyết vụ án: phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí và Lệ phí Tòa án.

Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được chấp nhận toàn bộ, nên bà L, ông S phải chịu án phí của số tiền 23.262.996 đồng là:

23.262.996 đồng x 5% = 1.163.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng.

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244; Điều 254 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 6 của Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và L phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần K đối với bà Trần Thị Cẩm L, ông Nguyễn Hồng S về việc "*Tranh chấp Hợp đồng tín dụng*".

2. Buộc bà Trần Thị Cẩm L, ông Nguyễn Hồng S phải có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần K (do Phòng Giao dịch Bình Đại đại diện nhận) số tiền nợ vay là 23.262.996 đồng (hai mươi ba triệu hai trăm sáu mươi hai nghìn chín trăm chín mươi sáu nghìn đồng), trong đó:

+ Vốn gốc: 21.666.667 đồng.

+ Tiền lãi: 1.596.329 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, bà Trần Thị Cẩm L, ông Nguyễn Hồng S không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần K, thì buộc bà Trần Thị Cẩm L, ông Nguyễn Hồng S có nghĩa vụ giao tài sản cầm cố để Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản cầm cố theo Hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số A463927, A463929/HĐTD-CC ngày 21/3/2018 để đảm bảo thu hồi nợ.

4. Đình chỉ xét xử phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần K đối với bà Trần Thị Cẩm L, ông Nguyễn Hồng S của số tiền phí bảo lãnh là 2.542.930 đồng (hai triệu năm trăm bốn mươi hai nghìn chín trăm ba mươi đồng).

5. Về án phí Dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Bà Trần Thị Cẩm L, ông Nguyễn Hồng S phải chịu là 1.163.000 đồng (Một triệu một trăm sáu mươi ba nghìn đồng).

Ngân hàng Thương mại cổ phần K (do Phòng Giao dịch Bình Đại đại diện nhận) được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 645.000 đồng (Sáu trăm

bốn mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0001400 ngày 13 tháng 3 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Ngân hàng có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm ngày), kể từ ngày tuyên án. Đối với bà Trần Thị Cẩm L, ông Nguyễn Hồng S có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm ngày), kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre (phòng KTNV và THA);
- VKSND huyện Bình Đại;
- Chi cục THADS huyện Bình Đại;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Thị Lựu